**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ G**
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **: 51**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2018
"V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thùy Linh**

- Các Hội thẩm nhân dân**: 1/ Bà Lê Thị Mỹ**

**2/ Ông Trần Đăng Khoa**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh -** Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2018. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc **"*Xin ly hôn*"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ **Nguyên đơn**: **Anh Đinh Minh T, sinh năm 1982**

HKTT: Số 23 đường T, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 60A đường D, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

**2/ Bị đơn: Chị Lê Thùy T2, sinh năm 1981**

HKTT: Số 23 đường T3, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 60A đường D phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**- Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh Đinh Minh T trình bày:** Tôi và chị T2 do tự tìm hiểu rồi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn

vào ngày 11/3/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với mẹ ruột tôi tại địa chỉ số 23 đường T3, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang, đến tháng 7/2013 thì vợ chồng về sống tại số 60A D, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cùng với mẹ ruột tôi đến nay. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Đến tháng 9/2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly từ tháng 11/2017 đến nay.

**Lý do yêu cầu xin ly hôn:** Do cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm nhưng tôi đã bỏ qua nhiều lần để duy trì hạnh phúc gia đình. Đến tháng 5/2016 thì vợ tôi mang thai con thứ hai nhưng mẫu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Nay thấy không thể kéo dài thêm được nữa nên tôi yêu cầu được ly hôn với vợ là bà T2.

**Về con chung:** Anh Đinh Minh T và chị Lê Thùy T2 chung sống có 02 người con chung tên Đinh Minh T4, sinh ngày 19/8/2007 và Đinh Lê Cát T5, sinh ngày 20/01/2017. Anh T đồng ý giao 02 con cho chị T2 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu x 02 cháu = 2.000.000 đồng/tháng *(Hai triệu đồng)* cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

**Về tài sản chung:** Anh Đinh Minh T xác định có 01 căn nhà và đất tọa lạc tại số 60A đường D, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Anh T tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Anh Đinh Minh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa chị Lê Thùy T2 trình bày:** Chị T2 thống nhất theo lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, thời điểm ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị T2 cho rằng nguyên nhân phát sin mâu thuẫn từ năm 2015 do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài từ đó vợ chồng thường xuyên cự cải nhau, sau đó vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng được một thời gian thì anh T lại quen người phục nữ khác nên vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh T yêu cầu ly hôn với tôi.

Nay tôi không đồng ý ly hôn vì tôi còn thương anh T và cũng muốn 02 con tôi có cuộc sống hạnh phúc cả cha lẫn mẹ, nhưng nếu anh T cương quyết yêu cầu ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

**Về con chung:** Chị Lê Thị T2 xác định có 02 người con chung tên Đinh Minh T4, sinh ngày 19/8/2007 và Đinh Lê Cát T5, sinh ngày 20/01/2017. Chị T2 đồng ý tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 người con. Đồng ý cho anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu x 02 cháu = 2.000.000 đồng/tháng *(Hai triệu đồng)* cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

**Về tài sản chung:** Chị Lê Thùy T2 xác định có 01 căn nhà và đất tọa lạc tại số 60A đường D, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Chị T2 tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Chị Lê Thùy T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thẩm quyền giải quyết:** Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố G thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Anh Đinh Minh T và chị Lê Thùy T2 tự tìm hiểu nhau rồi tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/3/2005. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T2 là hợp pháp được quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

**[3] Về yêu cầu xin ly hôn**: Trong quá trình chung sống anh T và chị T2 không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn tin tưởng, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau từ đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặc khác, chị T2 cũng không còn tin tưởng anh T, chị T2 cho rằng anh T không còn yêu thương mình và quen người phụ nữ khác bên ngoài. Ngoài ra vợ chồng anh T, bà T2 đã có khoảng thời gian ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay nhưng vợ chồng không hàn gắn được. Từ những mâu thuẫn trên cuộc sống vợ chồng giữa anh T, chị T2 không còn tôn trọng yêu thương, chung thủy mà ngày càng trở nên căn thẳng. Theo quy định của pháp luật về quan hệ hôn nhân gia đình thì phải trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị T2 mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh Minh T đối với chị Lê Thùy T2 là hoàn toàn phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**Xét về con chung Hội đồng xét xử xét thấy:** Anh Đinh Minh T và chị Lê Thùy T2 xác định có 02 người con tên Đinh Minh T4, sinh ngày 19/8/2007 và Đinh Lê Cát T5, sinh ngày 20/01/2017. Anh T giao 02 người con cho chị T2 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị T2 cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con. Mặc khác, theo nguyện vọng của cháu T4 cũng mong muốn được sống với mẹ (được thể hiện tại

biên bản ghi ý kiến ngày 02/5/2018). Chị T2 thống nhất anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu x 02 cháu = 2.000.000 đồng/tháng *(Hai triệu đồng)*, Hội đồng xét xử nghi nhận.

**Về tài sản chung:** Anh Đinh Minh T và chị Lê Thùy T2 xác định có 01 căn nhà và đất tọa lạc tại số 60A đường D, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Anh, chị tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về nợ chung:** Anh Đinh Minh T và chị Lê Thùy T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Đinh Minh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí xin ly hôn. Ngoài ra anh T còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

*Vì các lẽ trên,*

# QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

- Chấp nhận yêu cầu của anh Đinh Minh T.

- Anh Đinh Minh T được ly hôn với chị Lê Thùy T2.

- **Về con chung:** Giao 02 cháu Đinh Minh T4, sinh ngày 19/8/2007 và Đinh Lê Cát T5, sinh ngày 20/01/2017 cho chị T2 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Đinh Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu x 02 cháu = 2.000.000 đồng/tháng *(Hai triệu đồng)* cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng tính kể từ ngày 10/7/2018 và ngày thực hiện tiếp theo là ngày 10 hàng tháng.

Kể từ ngày chị T2 có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không cấp dưỡng số tiền theo thỏa T thì anh T còn phải chịu một khoản tiền lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Anh Đinh Minh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**Về tài sản chung:** Anh Đinh Minh T và chị Lê Thùy T2 xác định có 01 căn nhà và đất tọa lạc tại số 60A đường Trần Nhật Duật, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Anh, chị tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Anh Đinh Minh T và chị Lê Thùy T2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Anh Đinh Minh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0003933 ngày 19/03/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G. Anh T còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* phải nộp tiếp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận :**
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND TP. G
- Chi cục THA Dân sự TP.G
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**Huỳnh Thị Thùy Linh**